

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁM SÁT ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN PHẠM TỘI TRƯỚC YÊU CẦU BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN SỐ

HÀ THỊ KHÁNH HUYỀN
Khoa Luật, Học viện Cảnh sát nhân dân

Nhận bài ngày 12/4/2026. Sửa chữa xong 20/5/2026. Duyệt đăng 02/6/2026.

Abstract

Electronic surveillance is a preventative measure that offers many advantages over pre-trial detention in managing juvenile offenders. In the context of digital transformation, improving the legal framework for electronic surveillance of juvenile offenders needs to be considered in the context of ensuring human rights. This article analyzes current legal regulations and anticipates difficulties in their application. Based on this, it proposes solutions to improve the law, ensuring a balance between resolving criminal cases and protecting human rights.

Keywords: Electronic surveillance, human rights, juvenile delinquency, juvenile justice, the digital age.

1. Đặt vấn đề

Trong hoạt động tư pháp người chưa thành niên (NCTN), nguyên tắc nhân đạo là định hướng xuyên suốt trong quá trình xây dựng và thực thi pháp luật. Việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với NCTN phạm tội mặc dù nhằm bảo đảm mục đích của hoạt động tố tụng nhưng có thể gây ra những tác động tiêu cực đến tâm lý, sự phát triển nhân cách của NCTN. Trong bối cảnh khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ, biện pháp giám sát điện tử (GSĐT) được xem là một giải pháp thay thế mang tính nhân văn, cho phép cơ quan có thẩm quyền theo dõi việc chấp hành các nghĩa vụ tố tụng thông qua thiết bị công nghệ, đồng thời tạo điều kiện để NCTN tiếp tục sinh sống trong môi trường gia đình và cộng đồng. Tuy nhiên, việc áp dụng GSĐT cũng đặt ra nhiều thách thức mới đối với việc bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền riêng tư và quyền được bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bên cạnh đó, việc sử dụng các thiết bị GSĐT còn có thể dẫn đến nguy cơ kỳ thị, phân biệt đối xử hoặc ảnh hưởng đến quá trình tái hòa nhập xã hội của NCTN. Vì vậy, nghiên cứu hoàn thiện pháp luật về GSĐT đối với NCTN theo hướng bảo đảm quyền con người là vấn đề cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quy định của pháp luật về giám sát điện tử đối với người chưa thành niên phạm tội

2.1.1. Quy định của pháp luật về giám sát điện tử đối với người chưa thành niên phạm tội

Luật Tư pháp NCTN số 59/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội), có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 là đạo luật chuyên biệt đầu tiên tại Việt Nam dành riêng cho NCTN. Quy định về các biện pháp ngăn chặn trong Luật Tư pháp NCTN đã thiết lập khuôn khổ pháp lý cho việc áp dụng biện pháp GSĐT đối với NCTN. Khuôn khổ này bao gồm các quy định về đối tượng, điều kiện áp dụng, thẩm quyền, trình tự thực hiện và trách nhiệm của các chủ thể liên quan. Để bảo đảm việc áp dụng đúng mục đích và phù hợp với đặc điểm của NCTN, pháp luật quy định tương đối chặt chẽ về đối tượng và các điều kiện áp dụng biện pháp GSĐT. Những quy định này là cơ sở để xác định trường hợp nào được áp dụng, đồng thời bảo đảm sự cân bằng giữa yêu cầu quản lý của Nhà nước và quyền, lợi ích hợp pháp của NCTN. Theo đó Khoản 1 Điều 139 Luật Tư pháp NCTN quy định về áp dụng biện pháp GSĐT: “Giám sát điện tử là biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam.

Email: hahuyenk34@gmail.com

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi và nhân thân của NCTN là bị can, bị cáo, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể quyết định cho họ được GSĐT” (Quốc hội, 2025, Điều 139).

Khoản 2 Điều 2, Nghị định số 333/2005/NĐ-CP ngày 18/12/2025 quy định chi tiết một số biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng; trách nhiệm, trình tự, thủ tục xử lý chuyển hướng tại cộng đồng; áp dụng biện pháp GSĐT và tái hòa nhập cộng đồng đối với NCTN phạm tội cũng quy định rõ: *“Người chưa thành niên phạm tội; người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng; bị can, bị cáo được GSĐT; NCTN chấp hành xong biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, NCTN được chấm dứt trước thời hạn việc chấp hành biện pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng, NCTN chấp hành xong án phạt tù, NCTN được đặc xá, NCTN được tha tù trước thời hạn có điều kiện về cư trú tại địa phương”* (Chính phủ, 2025, Điều 2). Việc áp dụng biện pháp GSĐT với NCTN còn cần phải dựa trên các căn cứ họ có nơi cư trú rõ ràng; thành khẩn khai báo, hợp tác với cơ quan có thẩm quyền; đồng thời cha, mẹ hoặc người giám hộ của NCTN cam đoan về việc thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật Tư pháp NCTN.

Xác định đối tượng áp dụng mới chỉ là cơ sở ban đầu để xem xét khả năng áp dụng biện pháp GSĐT đối với NCTN. Tuy nhiên, không phải mọi trường hợp thuộc đối tượng điều chỉnh đều đương nhiên bị áp dụng biện pháp này. Để bảo đảm tính cần thiết, phù hợp với đặc điểm nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi và yêu cầu giáo dục, hỗ trợ NCTN, pháp luật còn quy định các điều kiện cụ thể làm căn cứ cho việc quyết định áp dụng GSĐT. Những điều kiện này vừa bảo đảm hiệu quả quản lý, giám sát, vừa hạn chế nguy cơ ảnh hưởng không cần thiết đến quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN. Bị can, bị cáo áp dụng biện pháp GSĐT phải thỏa mãn điều kiện:

“Không đi khỏi phạm vi giám sát, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này: + Có mặt theo giấy triệu tập, trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; + Không bỏ trốn hoặc không tiếp tục phạm tội; + Không mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; không tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; không đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này; + Không tháo, phá hủy thiết bị GSĐT hoặc gây rối loạn hoạt động của thiết bị GSĐT” (Quốc hội, 2025, Điều 139).

Bên cạnh việc quy định về đối tượng và điều kiện áp dụng, Luật Tư pháp NCTN còn quy định thẩm quyền và trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp GSĐT nhằm bảo đảm việc thực hiện được tiến hành đúng quy định của pháp luật bảo đảm khách quan và phù hợp với đặc điểm của NCTN.

Chủ thể có thẩm quyền áp dụng biện pháp GSĐT bao gồm: *“Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử có quyền ra quyết định GSĐT đối với NCTN là bị can, bị cáo và phải ghi rõ phạm vi giám sát. Quyết định của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra phải được Viện kiểm sát có thẩm quyền phê chuẩn trước khi thi hành”* (Quốc hội, 2025, Điều 139).

Đối với thủ tục áp dụng biện pháp GSĐT được thực hiện theo các bước như sau:

+ Bị can, bị cáo được GSĐT phải làm giấy cam đoan thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật với cơ quan có thẩm quyền; + Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án ra quyết định cho NCTN được GSĐT (Quyết định của Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra phải được Viện kiểm sát có thẩm quyền phê chuẩn trước khi thi hành); + Cơ quan có thẩm quyền quyết định GSĐT xác định rõ phạm vi giám sát; + Người ra quyết định áp dụng biện pháp GSĐT phải gửi ngay quyết định này cho NCTN là bị can, bị cáo, người đại diện của họ; thông báo ngay việc áp dụng biện pháp này cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi NCTN là bị can, bị cáo cư trú và giao NCTN là bị can, bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã đó để thi hành; + Trường hợp NCTN là bị can, bị cáo vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan phải tạm thời đi khỏi phạm vi giám sát thì phải có sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và phải có giấy phép của người đã ra quyết định áp dụng biện pháp GSĐT. Giấy phép này phải gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú; + Bị can, bị cáo vi phạm nghĩa vụ cam đoan thì bị tạm giam và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị can, bị cáo cư trú phải báo ngay cho cơ quan đã ra quyết định áp dụng biện pháp GSĐT biết về việc vi phạm để xử lý theo thẩm quyền.

Có thể thấy Luật Tư pháp NCTN hiện hành đã bước đầu thiết lập khuôn khổ cho việc áp dụng biện pháp GSĐT đối với NCTN thông qua các quy định về đối tượng, điều kiện, thẩm quyền và thủ tục áp dụng. Các quy định này thể hiện xu hướng mở rộng các biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam và tăng cường bảo đảm quyền, lợi ích của NCTN. Tuy nhiên, mức độ cụ thể, khả năng áp dụng thống nhất và cơ chế thực hiện trên thực tế vẫn còn đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục đánh giá và hoàn thiện.

2.1.2. Đánh giá các quy định của pháp luật về giám sát điện tử đối với người chưa thành niên phạm tội

a. Ưu điểm: Việc quy định biện pháp GSĐT thay thế biện pháp tạm giam đối với NCTN là bước tiến quan trọng trong quá trình thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp, đặc biệt là định hướng xây dựng nền tư pháp thân thiện với NCTN. Cách tiếp cận này thể hiện sự chuyển biến từ tư duy xử lý mang tính trừng phạt sang tư duy lấy giáo dục, hỗ trợ và phục hồi làm trung tâm, phù hợp với các nguyên tắc của tư pháp NCTN được ghi nhận trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Việc ưu tiên áp dụng các biện pháp thay thế không chỉ bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền trẻ em mà còn phản ánh nhận thức khoa học về đặc điểm tâm sinh lý, khả năng nhận thức và mức độ phát triển chưa hoàn thiện của NCTN.

Biện pháp thay GSĐT góp phần hạn chế những tác động tiêu cực của việc cách ly NCTN khỏi môi trường sống tự nhiên. Thực tiễn cho thấy, việc áp dụng các biện pháp tước tự do trong thời gian dài có thể tạo ra những ảnh hưởng bất lợi đối với quá trình phát triển nhân cách của NCTN như mặc cảm, tự ti, tâm lý chống đối hoặc nguy cơ tiếp thu các hành vi lệch chuẩn từ môi trường giam giữ. Trong khi đó, việc cho phép NCTN tiếp tục sinh sống trong môi trường gia đình và cộng đồng giúp duy trì các mối quan hệ xã hội tích cực, giữ vững sự gắn kết tình cảm với cha mẹ, người thân, đồng thời phát huy vai trò giáo dục của gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội trong quá trình quản lý, hỗ trợ và định hướng hành vi.

Việc không bị tách khỏi môi trường học tập, lao động và sinh hoạt thường ngày tạo điều kiện thuận lợi cho NCTN tiếp tục quá trình phát triển toàn diện. Đây là yếu tố có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi giáo dục và nghề nghiệp được xem là những nền tảng cơ bản giúp phòng ngừa tái phạm và thúc đẩy tái hòa nhập xã hội bền vững. Khi vẫn được tham gia học tập, rèn luyện kỹ năng và duy trì các hoạt động xã hội phù hợp, NCTN có cơ hội nhận thức rõ hơn về hành vi vi phạm, tự điều chỉnh thái độ, xây dựng định hướng sống tích cực và từng bước khắc phục những thiếu sót trong quá trình phát triển nhân cách.

Sự phát triển của khoa học công nghệ đã tạo điều kiện nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát đối với NCTN được áp dụng các biện pháp thay thế giam giữ. Các phương thức quản lý hiện đại giúp cơ quan có thẩm quyền theo dõi việc chấp hành nghĩa vụ của người được áp dụng biện pháp thay thế một cách thường xuyên, chính xác và kịp thời hơn, đồng thời giảm bớt áp lực về nguồn nhân lực và chi phí quản lý. Việc ứng dụng công nghệ còn góp phần tăng cường tính minh bạch, khách quan trong quá trình giám sát, tạo cơ sở để đánh giá đúng mức độ tiến bộ, khả năng phục hồi và nguy cơ tái phạm của NCTN.

Trên phương diện chính sách hình sự, các biện pháp thay thế xử lý giam giữ phù hợp với xu hướng phát triển hiện đại của tư pháp NCTN trên thế giới. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng hiệu quả của việc xử lý NCTN không nằm ở mức độ nghiêm khắc của hình thức xử lý mà ở khả năng giúp họ nhận thức được sai lầm, sửa chữa hành vi và tái hòa nhập thành công vào cộng đồng. Vì vậy, việc ưu tiên các biện pháp thay thế giam giữ không chỉ góp phần bảo đảm lợi ích tốt nhất cho NCTN mà còn nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm lâu dài, giảm tỷ lệ tái phạm và tạo ra những lợi ích kinh tế - xã hội đáng kể cho Nhà nước và cộng đồng. Đây chính là cơ sở để khẳng định tính nhân văn, tiến bộ và phù hợp với yêu cầu phát triển của hệ thống tư pháp NCTN trong bối cảnh hiện nay.

b. Những hạn chế, khó khăn: Dự báo những vướng mắc trong quá trình áp dụng biện pháp GSĐT đối với NCTN. Mặc dù đã có cơ sở pháp lý ban đầu cho việc áp dụng biện pháp GSĐT đối với NCTN, song do đây là chế định mới nên quá trình triển khai trên thực tế có thể phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc, cụ thể: Thứ nhất, về căn cứ áp dụng, một số tiêu chí như tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi hay nhân thân của NCTN còn mang tính định tính, dễ dẫn đến cách hiểu và áp dụng khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Thứ hai, về tổ chức thực hiện, hiệu quả của biện pháp GSĐT phụ thuộc

vào sự phối hợp giữa cơ quan có thẩm quyền, gia đình, nhà trường và các chủ thể có liên quan. Tuy nhiên, cơ chế phối hợp và trách nhiệm của từng chủ thể hiện chưa được quy định đầy đủ và cụ thể. Thứ ba, về điều kiện bảo đảm thi hành, việc vận hành hệ thống GSĐT đòi hỏi cơ sở hạ tầng kỹ thuật, thiết bị chuyên dụng, kinh phí và nguồn nhân lực phù hợp. Đây là thách thức không nhỏ, đặc biệt đối với các địa phương còn hạn chế về nguồn lực. Thứ tư, về xử lý vi phạm trong quá trình giám sát, pháp luật chưa quy định thật rõ cơ chế xử lý đối với các trường hợp NCTN vi phạm nghĩa vụ cam đoan, tự ý rời khỏi phạm vi giám sát hoặc tác động đến thiết bị GSĐT. Thứ năm, về bảo đảm quyền của NCTN, việc thu thập và quản lý dữ liệu từ hoạt động GSĐT có thể đặt ra những yêu cầu cao hơn về bảo vệ quyền riêng tư, bảo mật thông tin cá nhân và phòng ngừa nguy cơ lạm dụng dữ liệu.

Từ những vấn đề trên có thể thấy, bên cạnh những ưu điểm trong việc hạn chế áp dụng biện pháp tạm giam đối với NCTN, việc triển khai GSĐT trong thực tiễn vẫn đứng trước nhiều thách thức về pháp lý, tổ chức thực hiện và bảo đảm quyền con người. Đây cũng là những vấn đề cần tiếp tục được nghiên cứu và hoàn thiện trong thời gian tới.

2.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng biện pháp giám sát điện tử với người chưa thành niên phạm tội

Trên cơ sở những vướng mắc có thể phát sinh trong quá trình áp dụng, việc hoàn thiện pháp luật về GSĐT đối với NCTN cần được thực hiện theo hướng vừa bảo đảm hiệu quả quản lý, giám sát, vừa bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NCTN. Theo đó, cần tập trung vào một số nội dung sau:

2.2.1. Hoàn thiện quy định về điều kiện và phạm vi áp dụng giám sát điện tử

Để bảo đảm tính thống nhất và khả năng áp dụng trên thực tế, pháp luật cần tiếp tục cụ thể hóa các quy định về điều kiện và phạm vi áp dụng biện pháp GSĐT đối với NCTN. Trước hết, cần quy định rõ hơn các tiêu chí xác định đối tượng được áp dụng, đặc biệt là các yếu tố liên quan đến tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và khả năng tự quản lý của NCTN. Việc lượng hóa hoặc hướng dẫn cụ thể các tiêu chí này sẽ góp phần hạn chế sự khác biệt trong nhận thức và áp dụng giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Bên cạnh đó, cần xác định rõ thời hạn áp dụng và phạm vi giám sát đối với từng trường hợp cụ thể nhằm tránh việc áp dụng kéo dài hoặc vượt quá mức cần thiết. Đồng thời, pháp luật cần thiết lập cơ chế xem xét định kỳ để đánh giá tính cần thiết của việc tiếp tục áp dụng biện pháp GSĐT. Trên cơ sở kết quả đánh giá, cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định duy trì, thay đổi hoặc chấm dứt việc áp dụng biện pháp này, qua đó bảo đảm sự cân bằng giữa yêu cầu quản lý và quyền của NCTN.

2.2.2. Hoàn thiện quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư

Do GSĐT gắn liền với việc thu thập, lưu trữ và xử lý dữ liệu cá nhân, việc hoàn thiện các quy định về bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư của NCTN là yêu cầu đặc biệt quan trọng. Theo đó, pháp luật cần xác định rõ loại dữ liệu được phép thu thập trong quá trình giám sát, bảo đảm chỉ thu thập những thông tin thực sự cần thiết cho mục đích quản lý và theo dõi việc chấp hành nghĩa vụ của người được giám sát. Cùng với đó, cần quy định chặt chẽ về mục đích sử dụng dữ liệu, giới hạn quyền tiếp cận thông tin của các chủ thể có liên quan và nghiêm cấm việc sử dụng dữ liệu cho các mục đích ngoài phạm vi tố tụng hoặc quản lý theo quy định của pháp luật. Để tránh nguy cơ lạm dụng hoặc rò rỉ thông tin, pháp luật cũng cần quy định cụ thể về thời hạn lưu trữ, nguyên tắc tiêu hủy dữ liệu sau khi hết thời hạn sử dụng cũng như trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc bảo mật thông tin thu thập được từ hoạt động GSĐT.

2.2.3. Hoàn thiện cơ chế bảo vệ quyền của người chưa thành niên

Một trong những yêu cầu quan trọng khi áp dụng GSĐT là phải bảo đảm các quyền cơ bản của NCTN. Vì vậy, pháp luật cần bổ sung các cơ chế bảo vệ quyền hiệu quả hơn trong quá trình áp dụng biện pháp này. Trước hết, cần ghi nhận quyền khiếu nại và yêu cầu xem xét lại quyết định áp dụng GSĐT đối với NCTN hoặc người đại diện hợp pháp của họ. Đây là cơ sở quan trọng để bảo đảm tính minh bạch và khả năng kiểm soát đối với các quyết định hạn chế quyền. Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế giám sát độc lập hoặc cơ chế kiểm tra thường xuyên đối với việc thực hiện biện pháp GSĐT nhằm kịp thời phát hiện và xử

lý các hành vi vi phạm pháp luật hoặc xâm phạm quyền của NCTN. Đồng thời, pháp luật cần quy định rõ trách nhiệm pháp lý và cơ chế bồi thường trong trường hợp cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân có hành vi sử dụng trái pháp luật dữ liệu giám sát hoặc xâm phạm các quyền, lợi ích hợp pháp của NCTN.

2.2.4. Hoàn thiện các quy định về tổ chức thực hiện

Hiệu quả của GSĐT không chỉ phụ thuộc vào các quy định pháp luật mà còn phụ thuộc vào điều kiện tổ chức thực hiện trên thực tế. Do đó, cần xây dựng hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất đối với các thiết bị GSĐT nhằm bảo đảm độ chính xác, tính ổn định và an toàn trong quá trình sử dụng. Việc ban hành các tiêu chuẩn kỹ thuật cũng là cơ sở để kiểm soát chất lượng thiết bị và hạn chế các rủi ro phát sinh trong quá trình vận hành. Mặt khác, cần hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan tư pháp, gia đình, nhà trường và chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát và hỗ trợ NCTN. Đây là yếu tố có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi mục tiêu của tư pháp NCTN không chỉ là kiểm soát hành vi mà còn hướng tới giáo dục, phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng. Cùng với đó, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp lý, kỹ năng nghiệp vụ và năng lực sử dụng công nghệ cho đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện công tác GSĐT, bảo đảm việc áp dụng biện pháp này đạt hiệu quả và phù hợp với yêu cầu bảo vệ NCTN trong giai đoạn hiện nay.

3. Kết luận

Giám sát điện tử đối với NCTN là một trong những biểu hiện cụ thể của quá trình chuyển đổi số trong hoạt động tư pháp, phản ánh xu hướng ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Thông qua việc phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về đối tượng, điều kiện, thẩm quyền và thủ tục áp dụng, bài viết đã làm rõ những cơ sở pháp lý bước đầu được thiết lập cho việc triển khai biện pháp này, đồng thời chỉ ra những khó khăn, vướng mắc có thể phát sinh trong thực tiễn áp dụng. Vì vậy, việc hoàn thiện pháp luật theo hướng minh bạch về điều kiện áp dụng, chặt chẽ trong quản lý dữ liệu và hiệu quả trong cơ chế bảo vệ quyền là yêu cầu tất yếu nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa mục tiêu quản lý, giáo dục với yêu cầu tôn trọng và bảo vệ quyền con người. Trong bối cảnh xây dựng nền tư pháp hiện đại và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, GSĐT cần được thiết kế như một cơ chế tư pháp nhân văn, trong đó công nghệ phục vụ con người và việc ứng dụng công nghệ luôn đặt dưới yêu cầu bảo đảm quyền con người. Đây cũng là điều kiện để biện pháp GSĐT phát huy giá trị trong thực tiễn, góp phần xây dựng hệ thống tư pháp NCTN hiện đại, hiệu quả và lấy con người làm trung tâm.

Tài liệu tham khảo

Chính phủ (2025). *Nghị định số 333/2025/NĐ-CP, ngày 18/12/2025 quy định chi tiết một số biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng; trách nhiệm, trình tự, thủ tục xử lý chuyển hướng tại cộng đồng; áp dụng biện pháp giám sát điện tử và tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên phạm tội.*

Chính phủ (2025). *Nghị định số 294/2025/NĐ-CP, ngày 15/11/2025, Quy định Hội đồng quốc gia về tư pháp người chưa thành niên.*

Quốc hội (2025). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự.* Luật số 86/2025/QH15, ngày 25/6/2025

Quốc hội (2014). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.* NXB Tư pháp.

Văn phòng Quốc hội (2025). *Luật Tư pháp người chưa thành niên.* Số 107/VBHN-VPQH, ngày 27/8/2025.